

Bản tin Phân tích kỹ thuật

17/03/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G3000 đóng cửa dưới đường MA20 cho thấy áp lực giảm lẩn át về cuối ngày. (M15)
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, nhiều khả năng hợp đồng sẽ kiểm định vùng giá 1.863 điểm. Khuyến nghị mở vị thế bán và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.882 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.877 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.863 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.882 điểm

Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index dao động mạnh trong phiên trên mức thanh khoản thấp thể hiện sự do dự từ hoạt động mua và bán quanh vùng giá cao. Nhìn chung, tất cả các chỉ số đều diễn biến tương đồng về vận động trong phiên lẫn thanh khoản. Trong ngắn hạn, tín hiệu Tiêu cực vẫn duy trì.
- Về hoạt động giao dịch, nhóm Ngân hàng và CNTT có hoạt động mua cải thiện đáng kể trên nhiều mã. Ngoài ra, nhóm Chứng khoán và Bán lẻ cũng thu hút lực cầu nhưng mật độ dàn trải thấp hơn. Ngược lại, Dầu khí, Bất động sản, DV Tiện ích là các nhóm ngành bị chi phối bởi hoạt động bán nhưng áp lực không cao. Tín hiệu kỹ thuật ở nhóm Ngân hàng ghi nhận 75% cổ phiếu có quán tính hồi phục ổn định (cao hơn mức 50% ở phiên 16/03).
- So với phiên 16/03, trạng thái cung cầu cải thiện bởi hoạt động mua có mức độ phân tán cao hơn và đồng thời lực bán giá cao tiếp tục được tiết chế. Do đó, xác suất điều chỉnh mạnh trong phiên 18/03 về vùng 1.640 điểm (MA200) ở mức thấp. Tuy nhiên, độ lan tỏa vẫn chưa đủ rộng để xác nhận tăng mạnh toàn thị trường. Thay vào đó, chỉ số sẽ có phiên giằng co (1.700-1.730 điểm), áp lực điều chỉnh (nếu có) khả năng cao sẽ được cân bằng bởi nhóm Ngân hàng. Vị thế mở mới ngắn hạn có thể cân nhắc với tỷ trọng thăm dò (thấp) trên nhóm ngành này.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	60,500	2.89%	0.17%	505,518	2.966	4,210	2.2	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	160,200	6.94%	16.09%	207,373	2.922	5,518	11.5	29.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VIC	146,200	1.04%	3.10%	1,126,622	2.370	1,739	7.6	84.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	30,500	-6.87%	-9.76%	152,723	-2.129	1,036	2.5	29.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
TCX	54,200	6.90%	2.65%	125,288	1.755	2,713	2.8	20.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VHM	102,000	2.00%	13.59%	418,956	1.701	10,008	1.8	10.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VCK	35,700	6.89%	17.82%	86,927	1.215	1,613	3.0	22.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	43,350	3.21%	6.77%	129,499	0.845	3,824	2.7	11.3	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	155,100	6.97%	8.61%	56,767	0.803	8,873	7.1	17.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	86,400	-1.71%	-10.93%	208,479	-0.722	4,730	3.1	18.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	82,700	2.61%	2.10%	121,439	0.642	4,777	3.7	17.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVH	75,700	5.14%	6.17%	56,194	0.586	3,996	2.3	18.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPX	32,450	4.68%	4.68%	60,844	0.578	2,298	1.8	14.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MSN	75,400	2.59%	10.40%	109,022	0.572	2,710	3.1	27.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	79,400	1.53%	-0.13%	135,258	0.421	5,511	3.7	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	80,000	2.96%	9.89%	71,983	0.773	17,478	4.1	4.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	159,600	3.64%	1.01%	31,920	0.421	10,115	6.2	15.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVS	40,000	-4.31%	-5.21%	20,457	-0.319	3,560	1.4	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	16,200	-2.99%	1.25%	17,306	-0.188	434	1.6	37.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
NVB	11,200	1.82%	1.82%	21,556	0.142	0	1.6	190,203.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	31,300	2.29%	3.30%	12,050	0.100	264	2.7	118.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	11,200	1.82%	0.00%	12,008	0.079	1,141	0.9	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	16,600	1.22%	0.00%	14,931	0.066	1,501	1.2	11.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	15,300	-1.92%	7.75%	8,681	-0.061	304	1.4	50.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	77,400	0.91%	-1.65%	18,130	0.060	4,709	2.2	16.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	86,400	3.23%	0.58%	263,600	0.331	3,063	6.4	28.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	51,300	8.00%	7.55%	54,769	0.170	10	4.5	4,847.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSH	75,300	-14.92%	-14.92%	28,238	-0.164	-1,095	5.1	-68.8	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CC1	37,500	10.62%	17.19%	14,364	0.059	588	3.3	61.4	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	16,300	-7.91%	-19.31%	17,334	-0.053	420	1.7	39.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	76,000	2.29%	4.40%	56,218	0.050	4,627	5.2	16.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PAP	27,400	9.16%	14.17%	9,782	0.035	-2,159	5.0	-12.7	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	49,600	-1.39%	-4.25%	60,016	-0.032	1,624	4.3	30.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	48,700	0.41%	1.04%	174,244	0.028	3,026	2.5	16.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMF	428,000	14.99%	-2.17%	3,467	0.020	35,109	2.5	12.2	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
VCK	35,700	6.9%	703.4	164.3	26,688	33,400	3.0	22.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
NAF	45,450	0.4%	25.7	34.4	16,273	45,350	3.9	21.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VIW	47,000	14.9%	10.4	0.8	7,200	40,900	4.3	125.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
MST	8,600	3.6%	40.5	19.5	4,546	8,300	0.8	34.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
DSH	15,900	14.4%	19.3	1.6	9,878	15,400	2.4	5.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
ONE	11,400	9.6%	5.1	0.7	4,700	11,000	0.9	26.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
APG	6,240	-5.9%	86.7	4.7	6,630	13,000	0.6	255.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
APG	6,240	-5.9%	86.7	4.7	6,630	13,000	0.6	255.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
DDB	9,000	-1.1%	14.6	1.0	9,000	13,600	0.7	27.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
MCH	160,200	6.9%	407.8	53.4	85,439	181,862	11.5	29.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	
DSH	15,900	14.4%	19.3	1.6	9,878	15,400	2.4	5.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VIW	47,000	14.9%	10.4	0.8	7,200	40,900	4.3	125.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PAT	75,200	-12.4%	23.8	4.3	70,495	97,697	3.3	5.7	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			17/03/2026	16/03/2026	13/03/2026	12/03/2026	11/03/2026	10/03/2026	09/03/2026	06/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	33%	32%	33%	32%	33%	30%	25%	38%
		Dưới	67%	68%	67%	68%	67%	70%	75%	62%
	MA50	Trên	26%	26%	27%	25%	27%	19%	16%	35%
		Dưới	74%	74%	73%	75%	73%	81%	84%	65%
	MA20	Trên	22%	23%	20%	18%	20%	13%	9%	28%
		Dưới	78%	77%	80%	82%	80%	87%	91%	72%
VN30	MA200	Trên	47%	43%	43%	43%	43%	43%	30%	57%
		Dưới	53%	57%	57%	57%	57%	57%	70%	43%
	MA50	Trên	7%	10%	7%	7%	17%	13%	13%	27%
		Dưới	93%	90%	93%	93%	83%	87%	87%	73%
	MA20	Trên	17%	10%	10%	7%	10%	7%	3%	20%
		Dưới	83%	90%	90%	93%	90%	93%	97%	80%
HNX	MA200	Trên	41%	42%	42%	42%	39%	36%	33%	42%
		Dưới	59%	58%	58%	58%	61%	64%	67%	58%
	MA50	Trên	37%	38%	37%	39%	36%	31%	27%	39%
		Dưới	63%	62%	63%	61%	64%	69%	73%	61%
	MA20	Trên	41%	42%	42%	42%	39%	36%	33%	42%
		Dưới	59%	58%	58%	58%	61%	64%	67%	58%
UPCOM	MA200	Trên	29%	29%	28%	27%	28%	25%	24%	32%
		Dưới	71%	71%	72%	73%	72%	75%	76%	68%
	MA50	Trên	31%	32%	32%	32%	32%	30%	28%	36%
		Dưới	69%	68%	68%	68%	68%	70%	72%	64%
	MA20	Trên	40%	40%	39%	39%	39%	38%	35%	42%
		Dưới	60%	60%	61%	61%	61%	62%	65%	58%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 3												Tháng 2							
	17 ↓	16	13	12	11	10	09	06	05	04	03	02	27	26	25	24	23	13	12	11
1 Dầu khí	63	67	75	80	78	77	83	90	91	93	92	85	89	86	85	85	78	81	80	80
2 Y tế	63	60	60	73	74	-	-	-	-	-	-	54	61	62	68	64	53	51	48	44
3 Điện, nước & xăng d...	62	63	64	62	58	54	62	75	80	80	81	69	64	62	61	59	54	55	55	55
4 Hóa chất	55	60	67	66	63	60	64	69	72	78	81	76	75	75	73	65	57	57	57	58
! 5 Hàng cá nhân & Gia ...	52	52	58	59	58	49	56	63	68	71	69	72	74	74	72	71	67	65	65	64
! 6 Tài nguyên Cơ bản	50	51	55	54	54	48	46	48	51	55	57	66	71	72	65	60	58	55	53	53
! 7 Hàng & Dịch vụ Côn...	45	47	52	53	50	50	56	62	63	68	68	66	67	64	68	64	56	55	55	53
8 Bán lẻ	44	48	50	51	43	39	43	52	56	63	69	71	88	88	88	82	76	81	79	75
9 Ô tô và phụ tùng	43	43	42	40	39	36	37	42	44	50	54	53	59	61	61	59	52	50	50	46
10 Xây dựng và Vật liệu	42	45	41	37	36	34	38	44	44	47	50	54	61	64	62	58	50	48	48	47
11 Thực phẩm và đồ uống...	38	38	38	37	35	31	33	38	41	43	44	45	57	63	62	60	53	56	55	55
! 12 Dịch vụ tài chính	36	36	39	42	43	42	51	59	55	54	52	58	61	63	62	53	49	36	34	32
13 Ngân hàng	35	34	35	35	36	31	35	37	40	43	49	55	62	64	59	55	52	46	46	41
14 Bất động sản	32	30	28	22	20	19	20	24	26	25	30	31	37	38	39	35	32	34	36	31
15 Bảo hiểm	31	30	31	31	31	28	33	35	37	47	54	55	63	70	70	68	56	62	66	65
16 Du lịch và Giải trí	21	25	25	25	23	22	24	27	31	31	36	45	43	46	51	47	39	38	38	33
! 17 Công nghệ Thông tin	12	10	10	11	11	10	10	13	13	14	17	24	33	34	36	36	39	44	48	47

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	160,200	6.9%	16.1%	207,373	11.5	29.0	5,518	407.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	35,700	6.9%	17.8%	86,927	3.0	22.1	1,613	703.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	51,300	8.0%	7.5%	54,769	4.5	4,847.7	10	183.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDG	28,450	-0.5%	11.4%	10,525	1.6	14.9	1,907	60.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PPC	10,350	-2.4%	5.3%	3,318	0.7	19.5	530	5.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
VVS	150,700	0.9%	13.9%	3,244	4.9	9.9	15,160	44.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	45,450	0.4%	5.8%	2,781	3.9	21.4	2,126	25.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIW	47,000	14.9%	100.0%	2,672	4.3	125.3	368	10.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHI	14,650	-1.3%	6.9%	2,490	1.3	49.0	299	8.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
TTA	11,450	-0.4%	9.6%	2,045	0.9	8.6	1,327	9.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MZG	12,700	-1.6%	12.4%	1,484	1.0	11.5	1,104	8.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TV1	36,800	3.1%	16.1%	985	1.9	6.6	5,627	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	8,600	3.6%	24.6%	977	0.8	34.8	247	40.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSH	15,900	14.4%	29.3%	546	2.4	5.8	2,690	19.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAV	6,500	-1.5%	4.8%	448	0.6	-19.4	-335	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ONE	11,400	9.6%	15.2%	90	0.9	26.2	435	5.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	67,600	1.5%	4.0%	127,441	2.1	21.5	3,150	602.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPX	32,450	4.7%	4.7%	60,844	1.8	14.1	2,298	91.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VHC	61,000	0.7%	7.0%	13,692	1.4	10.0	6,073	76.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
EVF	13,950	-0.7%	3.3%	10,610	1.1	11.9	1,176	195.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HVN	22,250	0.9%	-2.4%	69,231	11.5	7.6	2,947	27.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SBT	22,350	0.2%	-0.9%	19,112	1.7	25.5	876	13.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,480	-0.7%	0.0%	2,463	0.5	37.1	148	37.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	13,900	0.0%	-2.1%	1,946	1.1	13.1	1,064	65.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
APG	6,240	-5.9%	-29.3%	1,395	0.6	255.5	24	86.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	40,450	0.4%	-3.2%	284,014	1.7	9.5	4,279	282.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,300	0.3%	0.0%	214,713	1.3	8.5	3,577	401.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,700	0.8%	0.8%	203,902	1.2	8.5	3,024	242.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	48,700	0.4%	1.0%	174,244	2.5	16.1	3,026	35.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,650	0.9%	-3.4%	71,370	2.2	14.4	1,989	850.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	44,350	-0.3%	-0.9%	56,882	2.7	12.9	3,449	31.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	54,100	1.3%	0.2%	55,994	2.5	16.1	3,371	22.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	16,100	0.6%	0.6%	44,662	1.1	6.1	2,660	103.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	31,150	0.0%	3.5%	29,336	1.2	12.5	2,500	63.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	68,800	-6.9%	-9.4%	26,129	1.7	8.6	7,965	553.1	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VND	16,450	1.5%	-0.6%	25,042	1.2	12.4	1,328	152.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	21,850	0.5%	-0.7%	23,597	1.6	15.0	1,454	159.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAG	15,050	-1.6%	4.2%	19,074	1.4	7.9	1,908	69.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	24,700	0.0%	0.0%	16,482	2.1	13.1	1,883	108.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	13,750	-1.8%	3.8%	15,295	1.1	60.2	229	347.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	6,300	-0.16%	5.88%	13,600	115.5%	581	0.6	10.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,200	3.40%	-0.98%	25,500	73.5%	353	1.2	43.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	13,750	-1.79%	3.77%	24,000	71.4%	229	1.1	60.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,200	0.00%	4.59%	43,700	66.8%	943	1.6	27.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	27,800	-0.71%	7.54%	45,800	63.6%	1,805	1.1	15.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	34,900	4.80%	9.75%	54,000	62.2%	1,638	1.8	21.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	79,400	1.53%	-0.13%	116,600	49.1%	5,511	3.7	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,700	0.78%	0.78%	38,000	49.0%	3,024	1.2	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,400	-0.74%	25.82%	20,000	48.1%	862	0.7	15.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
SSI	28,650	0.88%	-3.37%	40,800	43.7%	1,989	2.2	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,750	1.28%	2.59%	33,300	42.0%	3,042	1.3	7.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,600	-1.17%	3.86%	42,400	41.6%	1,917	1.7	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	46,650	1.63%	7.74%	64,100	39.7%	3,130	2.4	14.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	40,000	-4.31%	-5.21%	58,100	39.0%	3,560	1.4	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BWE	42,600	0.83%	-1.62%	58,700	38.9%	4,506	1.6	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	75,400	2.59%	10.40%	101,200	37.7%	2,710	3.1	27.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	16,800	0.00%	2.13%	23,100	37.5%	1,726	0.9	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,300	0.33%	0.00%	41,500	37.4%	3,577	1.3	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	31,150	0.00%	3.49%	42,500	36.4%	2,500	1.2	12.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	17,850	-2.72%	4.39%	24,600	34.1%	3,200	1.2	5.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn